

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
SAIGON BEER-ALCOHOL-BEVERAGE
CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness

Số/No: 228 /BSG-KTTK
Giải trình BCTC hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán
Explanation of the audited consolidated FS
of Y2023

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024
Ho Chi Minh City, Mar 28 2024

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước / The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM / Ho Chi Minh Stock Exchange

Tên tổ chức : Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn
Organization name : Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation
Mã chứng khoán : SAB
Security symbol : SAB
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TPHCM
Address : 187 Nguyen Chi Thanh, Ward 12, District 5, Ho Chi Minh City

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin. Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán cụ thể như sau:

Pursuant to the Finance Ministry's Circular No. 96/2020/TT-BTC on the disclosure of information. Saigon Beer – Alcohol – Beverage Corporation (SABECO) explained the audited consolidated financial statement of Y2023 as follows:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:
Consolidated income statement:

Đơn vị tính: VND/ Unit: VND

KHOẢN MỤC/ ITEMS	For the 12 month period ended 31 December		Tăng/ Increase, Giảm/ Decrease	Tỷ lệ / Percent
	2023	2022		
A	1	2	3=1-2	4=3/2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Revenue from sales of goods and provision of services	30,706,760,090,689	35,235,899,123,781	-4,529,139,033,092	-13%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Revenue deductions	245,392,808,474	256,815,129,946	-11,422,321,472	-4%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue	30,461,367,282,215	34,979,083,993,835	-4,517,716,711,620	-13%
4. Giá vốn hàng bán/ Cost of goods sold and services provided	21,370,004,777,980	24,208,377,066,751	-2,838,372,288,771	-12%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Gross Profit	9,091,362,504,235	10,770,706,927,084	-1,679,344,422,849	-16%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial Income	1,432,568,520,354	1,090,560,762,647	342,007,757,707	31%

7. Chi phí tài chính/ Financial Expenses	73,433,682,681	81,993,117,030	-8,559,434,349	-10%
- Trong đó: Chi phí lãi vay/ Including: Interest expenses	50,214,725,919	45,517,297,000	4,697,428,919	10%
8. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết/ Share of profits in associates and jointly controlled entities	232,053,894,657	323,119,361,276	-91,065,466,619	-28%
9. Chi phí bán hàng/ Selling expenses	4,479,227,839,581	4,532,068,273,139	-52,840,433,558	-1%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ General and administration expenses	800,691,619,935	740,665,660,468	60,025,959,467	8%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Net operating profit	5,402,631,777,049	6,829,660,000,370	-1,427,028,223,321	-21%
12. Thu nhập khác/ Other income	17,484,692,469	20,990,166,318	-3,505,473,849	-17%
13. Chi phí khác/ Other expenses	49,706,065,223	37,232,847,726	12,473,217,497	34%
14. Lợi nhuận khác/ Results of other activities	-32,221,372,754	-16,242,681,408	-15,978,691,346	98%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ Accounting profit before tax	5,370,410,404,295	6,813,417,318,962	-1,443,006,914,667	-21%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ Income tax expense – current	1,099,082,811,973	1,323,982,218,726	-224,899,406,753	-17%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại/ Income tax expense/ (benefit) – deferred	16,274,596,613	-10,362,877,048	26,637,473,661	-257%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit after tax	4,255,052,995,709	5,499,797,977,284	-1,244,744,981,575	-23%



Doanh thu thuần thấp hơn so với năm ngoái do sự cạnh tranh gay gắt, nhu cầu tiêu dùng giảm bởi kinh tế trong nước suy thoái cùng với việc thực hiện chặt chẽ Nghị định 100. Lợi nhuận cũng bị ảnh hưởng bởi chi phí đầu vào và chi phí quản lý cao hơn, phần lãi trong liên doanh, liên kết thấp hơn, mặc dù được bù đắp một phần bởi doanh thu tài chính cao hơn.

Net sales was lower than last year from intensified competition, lower consumer demand from domestic economic slowdown coupled with stricter implementation of Decree 100. Net profit was also impacted by higher input costs and operating expenses, lower share of profits from associates, despite being partially off-set by higher financial income.

Trên đây là giải trình của SABECO báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về sự thay đổi các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán của SABECO.

The above explanations are for SABECO report to the State Securities Commission and Ho Chi Minh Stock Exchange about the changes of the financial indicators on SABECO's audited consolidated financial statements of Y2023.

Trân trọng./.

Yours Sincerely./.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ *As above;*
- Lưu: Văn thư/ *Save at the Office.*

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



Tan Teck Chuan Lester

